

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÂM
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/KDTM – ST

Ngày 18/6/2024

*"V/v: Tranh chấp Hợp đồng
nguyên tắc"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Mười.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Nga.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh – Kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 31/2023/TLST-KDTM ngày 12/12/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng nguyên tắc*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐST – KDTM ngày 17/5/2024 giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức A – Công ty L, có mặt.

Địa chỉ: Số B Lô C, Khu tập thể C, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội.

Hợp đồng ủy quyền số 160823/HĐUQ/SMB-IPL, ngày 16/8/2023.

Bị đơn: Công ty Cổ phần S1.

Địa chỉ theo đăng ký kinh doanh: Khu Công nghiệp P, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ thuê trụ sở của Công ty cổ phần L1, Cụm K, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế C - Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ngày 23/5/2022 Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (sau đây viết tắt là Công ty S) và Công ty Cổ phần S1 (sau đây viết tắt là Công ty S1) ký kết hợp đồng nguyên tắc số 23052022/HĐ-SMB, theo đó Công ty S sản xuất và cung cấp cho Công ty S1 các loại sơn, dung môi theo yêu cầu của Công ty S1. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty S đã thực hiện đúng hợp đồng nguyên tắc. Ngày 03/3/2023 hai bên đối chiếu công nợ, Công ty S1 xác nhận còn nợ Công ty S là 2.536.260.750 đồng (hai tỷ, năm trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), tính đến hết ngày 28/02/2023.

Ngày 31/7/2023 hai bên đối chiếu công nợ, Công ty S1 xác nhận còn nợ Công ty S là 2.453.990.030 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn, không trăm ba mươi đồng), tính đến hết ngày 31/7/2023. Số nợ gốc giảm đi do Công ty S1 đã thanh toán một phần.

Mặc dù Công ty S đã yêu cầu Công ty S1 trả nợ, nhưng Công ty S1 không thanh toán, do vậy Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty S1 thanh toán số tiền gốc là 2.453.990.030 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn, không trăm ba mươi đồng); số tiền lãi tính đến ngày 21/9/2023 theo đơn khởi kiện là 35.446.523 đồng (ba mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng). Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi tính đến hết ngày 17/6/2024 là 357.156.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Tại Biên bản hòa giải ngày 05/4/2024 bị đơn trình bày: Hiện nay trụ sở của Công ty vẫn ở khu Công nghiệp P, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Công ty S1 chưa thay đổi địa chỉ công ty trên đăng ký kinh doanh. Về khó khăn Công ty S1 mới kinh doanh lại, chưa có điều kiện trả nợ. Về số nợ gốc Công ty S1 xác định là đúng vì đã chốt công nợ, Công ty S1 sẽ họp và đưa ra phương án trả nợ trong tuần sau; tuy nhiên bị đơn không cung cấp phương án trả nợ và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công ty S1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ, vắng mặt phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.

Buộc Công ty Cổ phần S1 phải thanh toán trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn S số tiền gốc là 2.453.990.030 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn, không trăm ba mươi đồng), và số tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm nhận định;

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa mặc dù bị đơn vắng mặt, nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền xét xử: Công ty S khởi kiện tranh chấp Hợp đồng nguyên tắc đối với bị đơn là Công ty S1 có địa chỉ theo đăng ký kinh doanh trụ sở tại Khu Công nghiệp P, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên, trụ sở bị đơn thuê tại huyện V là để sản xuất kinh doanh, chưa thay đổi về mặt pháp lý. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Hợp đồng nguyên tắc thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết khi xảy ra tranh chấp của các bên là không rõ ràng “tại Hợp đồng hai bên thỏa thuận khi xảy ra tranh chấp Tòa kinh tế Tòa án nhân dân thành phố giải quyết”, như vậy không rõ Tòa án thành phố nào, thỏa thuận này là vô hiệu, nên nguyên đơn có quyền khởi kiện đến Tòa án nơi có địa chỉ của bị đơn là phù hợp pháp luật.

[2]. *Về nội dung*: Xác định đây là vụ án "Kinh doanh thương mại Tranh chấp Hợp đồng nguyên tắc".

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty S1 thanh toán tiền gốc và lãi theo hợp đồng hai bên thỏa thuận. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 23/5/2022 Công ty S) và Công ty S1 ký kết hợp đồng nguyên tắc số 23052022/HĐ-SMB, theo đó Công ty S sản xuất và cung cấp cho Công ty S1 các loại sơn, dung môi theo yêu cầu của Công ty S1. Về bản chất Hợp đồng nguyên tắc các bên thỏa thuận là Hợp đồng mua bán hàng hóa, cụ thể Công ty S bán hàng hóa là các loại sơn, dung môi cho Công ty S1. Quá trình thực

hiện hợp đồng Công ty S đã thực hiện đúng hợp đồng nguyên tắc. Ngày 03/3/2023 hai bên đối chiếu công nợ, Công ty S1 xác nhận còn nợ Công ty S là 2.536.260.750 đồng (hai tỷ, năm trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), tính đến hết ngày 28/02/2023.

Ngày 31/7/2023 hai bên đối chiếu công nợ, Công ty S1 xác nhận còn nợ Công ty S là 2.453.990.030 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn, không trăm ba mươi đồng), tính đến hết ngày 31/7/2023. Đối với xác nhận lần thứ nhất ngày 03/3/2023 có chữ ký, con dấu của hai bên, nên có căn cứ xác định là phù hợp. Đối với xác nhận nợ lần thứ hai không có chữ ký, con dấu của bị đơn; Công ty S trình bày phía bị đơn không xác nhận, tuy nhiên số nợ gốc mà nguyên đơn yêu cầu theo xác nhận ngày 31/7/2023 thấp hơn số nợ gốc hai bên ký kết xác nhận ngày 03/3/2023, việc này không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn và phù hợp với sự thừa nhận của bị đơn tại biên bản hòa giải, nên có căn cứ chấp nhận số nợ gốc như nguyên đơn yêu cầu trên.

Về yêu cầu lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền lãi tính đến hết ngày 17/6/2024 là 357.156.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) và xuất trình bảng kê, tài liệu, căn cứ tính lãi.

Tại Hợp đồng nguyên tắc có thỏa thuận về điều khoản thanh toán, cụ thể Điều IV thỏa thuận: “*Sau khi bên mua nhận được hàng hóa do bên bán cung cấp và các giấy tờ liên quan hợp lệ thì bên mua phải thanh toán cho bên bán bằng phương thức chuyển khoản/Tiền mặt trong vòng 30 ngày*”.

Tại phiên tòa nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng là 12 hóa đơn, thời điểm yêu cầu lãi suất là phù hợp với các thời điểm xuất hóa đơn, cụ thể là sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn; căn cứ yêu cầu mức lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi là 357.156.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

[3]. *Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí của Tòa án, sẽ buộc đương sự phải chịu án phí, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.

Buộc Công ty Cổ phần S1 phải thanh toán trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn S số tiền gốc là 2.453.990.030 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn, không trăm ba mươi đồng) và số tiền lãi tính đến hết ngày 17/6/2024 là 357.156.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi phải thanh toán là 2.811.146.030 đồng (hai tỷ tám trăm mười một triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần S1 phải chịu 88.222.900 đồng (tám mươi tám triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S số tiền 40.894.000 đồng (bốn mươi triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 1747, ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Mười